***Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai*** ***Đề cương địa lí 11***

**BÀI 6: HỢP CHÚNG QUỐC HOA KỲ**

**TIẾT 1. TỰ NHIÊN VÀ DÂN CƯ**

* Diện tích: 9.629 nghìn km2
* Dân số: 296,5 triệu người (2005)
* Thủ đô: Oa-sin-tơn

**I. LÃNH THỔ VÀ VỊ TRÍ ĐỊA LÍ**

***1. Lãnh thổ.***

* Diện tích 9.629 nghìn km2, lớn thứ 3 thế giới (sau LBN và Canada).
* Gồm 3 bộ phận:
  + Trung tâm lục địa Bắc Mĩ (hơn 8 triệu km2)
  + Bán đảo Alaxca.
  + Quần đảo Haoai.
* Trung tâm lục địa Bắc Mĩ có hình dạng lãnh thổ cân đối (chiều rộng Đông-Tây khoảng 4500km, Bắc-Nam khoảng 2500km).

***2. Vị trí địa lí.***

a. Đặc điểm:

* Nằm ở Tây bán cầu.
* Tọa độ địa lí: từ 25-490 B
* Giữa hai đại dương lớn là Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.
* Tiếp giáp Ca na đa và gần với các nước Mĩ La Tinh.

b. Thuận lợi:

* Thiên nhiên phong phú đa dạng, hình thành nhiều vùng kinh tế khác nhau.
* Tránh được sự tàn phá qua các cuộc chiến tranh lớn.
  + Giao lưu, phát triển kinh tế biển.
* Thuận lợi cho sản xuất, giao thông và sinh hoạt của con người.

**II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN**

1. Phần lãnh thổ Hoa Kì nằm ở trung tâm Bắc Mĩ phân hóa thành 3 vùng tự nhiên (HỌC SINH TỰ HỌC)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Vùng | **Phía Tây** | **Trung tâm** | **Phía Đông** |
|  |  |  |  |
| Đặc điểm | Gồm các dãy núi cao | Phía tây và bắc là địa hình | Phần lớn diện tích là đồi |
| vị trí và | trung bình >2000m, | gò đồi thấp, nhiều đồng cỏ. | núi thuộc hệ thống núi già |
| địa hình | chạy song song theo | Phía nam có đồng bằng phù | Apalát |
|  | hướng B-N xen kẽ bồn | sa sông Mi-xi-xi-pi | Các đồng bằng ven biển |
|  | địa và cao nguyên. |  | ĐTD |
|  |  |  |  |
| Đặc điểm | Phân hóa phức tạp, chủ | Ôn đới lục địa ở phía bắc, | Ôn đới hải dương |
| KH | yếu là KH khô hạn, ven | cận nhiệt ở phía nam |  |
|  | TBD có KH cận nhiệt và |  |  |
|  | ôn đới hải dương. |  |  |
|  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | |  |  | |
|  |  |  |  |  |  |
|  | |  |  |  | |
| Tài | | Ven TBD có các đồng | Đồng bằng phù sa màu mỡ | Đồng bằng phù sa ven | |
| nguyên | | bằng ven biển nhỏ, đất | thuận lợi cho phát triển | biển diện tích khá lớn  | |
| phát triển | | tốt | nông nghiệp | phát riển cây lương thực, | |
| NN | |  |  | cây ăn quả | |
|  | |  |  |  | |
| Tài | | Nhiều kim loại màu. | Nhiều loại trữ lượng lớn: | Chủ yếu là than đá, quặng | |
| nguyên | | Tài nguyên năng lượng | than đá và quặng sắt ở phía | sắt. | |
| phát triển | | phong phú | bắc; dầu mỏ, khí đốt ở phía | Nguồn thủy năng phong | |
| CN | |  | nam. | Phú | |
|  |  |  |  |  |  |

*2. A-la-xca và Ha-oai*

* A-la-xca: Địa hình chủ yếu là đồi núi, giàu tài nguyên khoáng sản, nhất là dầu mỏ.
* Ha-oai: Là quần đảo giữa TBD có giá trị lớn về du lịch, hải sản, và quân sự.
* ĐKTN thuận lợi cho việc phát triển kinh tế với quy mô lớn.

**III. DÂN CƯ**

1. ***Gia tăng dân số***

* Số dân đông: 296,5 triệu người (2005), đứng thứ 3 thế giới.
* Dân số tăng nhanh, phần quan trọng do nhập cư.
* Thuận lợi: Đem lại cho Hoa Kì tri thức, nguồn vốn và lực lượng lao động lớn mà không phải mất chi phí đầu tư ban đầu.

- Tỉ lệ gia tăng tự nhiên giảm còn 0,6% (năm 2005).

- Nhóm tuổi dưới 15 giảm, nhóm tuổi trên 65 tăng

- Tuổi thọ trung bình cao và tăng.

* Dân số Hoa Kì có xu hướng già hóa nhanh.

***2. Thành phần dân cư***

* Thành phần dân cư đa dạng: chủ yếu là nguồn gốc châu Âu.
* Hiện nay, còn tình trạng phân biệt, bất bình đẳng giữa các nhóm dân cư.

 Gây khó khăn cho phát triển kinh tế và ổn định xã hội.

***3. Phân bố dân cư.***

* Phân bố dân cư không đều
* Tập trung chủ yếu ở Đông Bắc, ven biển phía Tây.
* Dân cư đang có xu hướng dịch chuyển từ Đông Bắc xuống phía nam và ven Thái Bình Dương.
* Tỉ lệ dân thành phố rất cao (79%- năm 2004).

Dân đô thị chủ yếu sống ở các thành phố vừa và nhỏ-> hạn chế tiêu cực của đô thị hóa.

**CÂU HỎI – BÀI TẬP**

Câu 1. Ý nào sau đây không đúng với đặc điểm vị trí địa lí của Hoa Kì?

A. Nằm ở bán cầu Bắc và tiếp giáp ở phía nam là Mê-hi-cô.

B. Tiếp giáp với Ca-na-đa và khu vực Mĩ La-tinh.

C. Nằm ở trung tâm Bắc Mĩ và tiếp giáp phía tây với Thái Bình Dương.

D. Nằm giữa hai đại dương lớn là Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.

Câu 2. Vùng núi Coóc-đi-e không có đặc điểm tự nhiên nào sau đây?

A. Địa hình núi cao đồ sộ, xen các bồn địa và cao nguyên.

B. Đồi núi thấp với nhiều thung lũng rộng.

C. Gồm nhiều dãy núi chạy song song theo hướng bắc - nam.

D. Khí hậu hoang mạc, bán hoang mạc.

Câu 3. Đặc điểm địa hình nổi bật của dãy núi A-pa-lát ở phía đông Hoa Kì là

A. núi trẻ, đỉnh nhọn, sườn dốc, cao trung bình.

B. sườn thoải, nhiều thung lũng rộng cắt ngang.

C. gồm nhiều dãy núi chạy song song chạy theo hướng bắc - nam.

D. cao đồ sộ, sườn dốc, xen các bồn địa và cao nguyên.

Câu 4. Các đồng bằng phù sa có diện tích tương đối lớn của Hoa Kì phân bố tập trung

chủ yếu ở

A. vùng trung tâm lãnh thổ.

B. phía tây ven Thái Bình Dương.

C. phía bắc giáp Ca-na-đa.

D. phía đông ven Đại Tây Dương.

Câu 5. Các bang ven vịnh Mê-hi-cô của Hoa Kì có khí hậu

A. cận cực.

B. cận nhiệt.

C. ôn đới.

D. nhiệt đới.

Câu 6. Địa hình nổi bật của bán đảo A-la-xca là

A đồi núi.

B. đầm lầy.

C. cao nguyên.

D. đồng bằng.

Câu 7. Tài nguyên quan trọng và có giá trị của A-la-xca là

A. kim loại màu.

B. quặng sắt.

C. than đá.

D. dầu khí.

Câu 8. Quần đảo Ha-oai có tiềm năng rất lớn về

A. hải sản và du lịch.

B. dầu khí và kim loại màu.

C. thuỷ sản và khoáng sản.

D. than đá và thuỷ điện.

Câu 9. Đặc điểm nào sau đây không đúng với đặc điểm dân cư Hoa Kì?

A. Dân số tăng nhanh.

B. Dân số đông hàng đầu thế giới.

C. Dân nhập cư chủ yếu là người gốc Phi.

D. Dân số tăng chủ yếu do nhập cư.

Câu 10. Dân cư Hoa Kì đang có xu hướng di chuyển từ các bang vùng Đông Bắc đến các

bang

A. phía nam và ven bờ Thái Bình Dương.

B. phía nam và phía bắc ven khu vực Ngũ Hồ.

C. phía tây ven Thái Bình Dương và Trung tâm.

D. vùng Trung tâm và vùng núi hiểm trở Coóc-đi-e.

**Câu 11** Vùng phía Tây Hoa Kì bao gồm:

A.Các dãy núi trẻ cao trung bình trên 2000m, xen giữa là các bồn địa và cao nguyên.

B.Khu vực gò đồi thấp và các đồng cỏ rộng.

C.Đồng bằng phù sa màu mỡ do hệ thống sông Mi-xi-xi-pi bồi đắp và vùng đồi thấp.

D.Các đồng bằng phù sa ven Đại Tây Dương và dãy núi già A-pa-lat.

**Câu** 12. Bán đảo Alatxca có tiềm năng rất lớn về

A. hải sản và du lịch.

B. dầu mỏ và khí tự nhiên.

C. than đá và thủy điện.

D. đất nông nghiệp

**Câu** 13. Vùng phía Đông Hoa Kì có trữ lượng lớn về loại khoáng sản nào sau đây?

A. Dầu khí

B. Sắt, vàng

C. Sắt, than đá

D. Crôm, đồng

**Câu** 14. Khí hậu hoang mạc và bán hoang mạc ở Hoa Kì tập trung chủ yếu ở nơi nào sau đây?

A. Các bồn địa và cao nguyên ở vùng phía Tây.

B. Các đồng bằng nhỏ ven Thái Bình Dương.

C. Các khu vực giữa dãy A-pa-lat và dãy Rốc-ki

D. Các đồi núi ở bán đảo A-la-xca.

**Câu** 15. Vị trí địa lí **không** mang lại thuận lợi nào sau đây cho Hoa Kì trong phát triển kinh tế?

**A.** Lưu thông dễ dàng giữa miền Tây và miền Đông.

**B.** Thuận lợi giao lưu với Tây Âu qua Đại Tây Dương.

**C.** Tránh được sự ảnh hưởng của chiến tranh thế giới.

**D.** Có Mĩ Latin là thị trường lớn, cung cấp nguyên liệu.

**Câu** 16. Đặc điểm địa hình nổi bật của dãy núi Appalachia ở phía đông Hoa Kì là gì?

**A.** Núi trẻ, đỉnh nhọn, sườn dốc và độ cao trung bình.

**B.** Cao đồ sộ, sườn dốc, xen các bồn địa, cao nguyên.

**C.** Nhiều dãy núi chạy song song hướng Bắc - Nam.

**D.** sườn thoải và có nhiều thung lũng rộng cắt ngang.

**Câu** 17. Dân bản địa của Hoa Kì là người

**A.** da trắng. **B.** Anh-điêng. **C.** châu Á. **D.** da đen.

**Câu** 18. Loại khoáng sản mà Hoa Kỳ có trữ lượng 28 triệu tấn và đứng đầu thế giới là

**A.** Sắt **B.** Đồng **C.** Thiếc **D.** Chì

**Câu** 19. Hồ nào không thuộc khu vực Ngũ hồ:

**A.** Hồ Ontario **B.** Hồ Eri **C.** Hồ Huron **D.** Hồ Baikal

**Câu 20.**  Dân cư Hoa Kì sống tập trung chủ yếu ở

1. các thành phố vừa và nhỏ.
2. nông thôn.
3. các siêu đô thị.

D. ven các thành phố lớn

**Câu** 21. Khoáng sản chủ yếu ở vùng núi A-pa-lát của Hoa Kỳ là

1. Than đá, quặng sắt.
2. Quặng sắt, dầu mỏ.
3. Dầu mỏ, than đá.
4. Uranium, đồng.

**Câu** 22. Mỏ vàng của Hoa Kì tập trung nhiều ở:

A Vùng phía Tây. B. Vùng đồng bằng trung tâm.

C. Vùng phía Đông D. Quần đảo Ha-oai

**Câu** 23. Phần lớn lãnh thổ Hoa Kì nằm ở khu vực nào sau đây?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Trung Mĩ. | **B.** Bắc Mĩ. | **C.** Mĩ La tinh. | **D.** Nam Mĩ. |

**Câu** 24. Đồng bằng rộng lớn nhất của Hoa Kì nằm ở vùng nào sau đây?

**A.** Vùng phía Tây. **B.** Vùng phía Đông.

**C.** Vùng A-la-xca. **D.** Vùng Trung Tâm.

**Câu** 25. Đặc điểm nào sau đây đúng với dân số Hoa Kì hiện nay?

**A.** Phân bố đồng đều. **B.** Số dân đông. **C.** Cơ cấu dân số trẻ. **D.** Tỉ lệ sinh cao.

**Câu** 26. Bang nào sau đây của Hoa Kì **không** nằm ở trung tâm lục địa Bắc Mĩ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Niu-Iooc. | **B.** Phlo-ri-đa. | **C.** Oa-sin-tơn. | **D.** Ha-oai. |

**Câu 27.**  Phần lãnh thổ Hoa Kì nằm ở trung tâm lục địa Bắc Mĩ phân hóa thành 3 vùng tự nhiên là

**A.** vùng phía Tây, vùng Trung tâm, vùng phía Đông.

**B.** vùng phía Bắc, vùng Trung tâm, vùng phía Nam.

**C.** vùng núi trẻ Coóc-đi-e, vùng Trung tâm, vùng núi già A-pa-lat.

**D.** vùng núi trẻ Coóc-đi-e, vùng núi già A-pa-lat, đồng bằng ven Đại Tây Dương.

**Câu** 28 Các dãy núi cao xen các cao nguyên và bồn địa, khí hậu hoang mạc và bán hoang mạc, giàu tài nguyên năng lượng, kim loại màu, diện tích rừng tương đối lớn là đặc điểm tự nhiên của

**A.** vùng phía Đông Hoa Kì. **B.** vùng phía Tây Hoa Kì.

**C.** vùng Trung tâm Hoa Kì. **D.** vùng bán đảo A-la-xca.

**Câu** 29. Lãnh thổ Hoa Kì **không** tiếp giáp với đại dương nào sau đây?

**A.** Bắc Băng Dương. **B.** Đại Tây Dương. **C.** Ấn Độ Dương. **D.** Thái Bình Dương

**Câu** 30. Phần lớn lãnh thổ Hoa Kì nằm trong vành đai khí hậu nào sau đây?

**A.** Cận cực. **B.** Nhiệt đới. **C.** Cận nhiệt. **D.** Ôn đới.

**Câu** 31. Bộ phận nào **không thuộc** lãnh thổ của Hoa Kì ?

**A**. Bán đảo Alaxca **C**. Quần đảo Ha-oa **B**. Đảo Bali **D**. Trung tâm lục địa Bắc Mĩ

**Câu** 32. Vị trí địa lí của Hoa Kì có đặc điểm là  
 **A**. nằm ở bán cầu Tây  
 **B**. nằm ở giữa Thái Bình Dương và Đại Tây Dương  
 **C**. tiếp giáp với Canada và khu vực Mĩ la tinh  
 **D**.Tất cả đều đúng

**Câu 33. Kiểu khí hậu phổ biến ở vùng phía Đông và vùng Trung tâm HOA KÌ là**

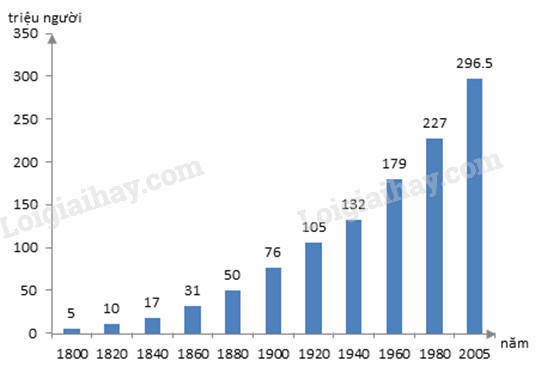
A. Ôn đới lục địa và hàn đới.

B. Hoang mạc và ôn đới lục địa.

C. Cận nhiệt đới và ôn đới.

D. Cận nhiệt đới và cận xích đạo.

**Câu** 34. Biểu đồ thể hiện sự gia tăng dân số của Hoa Kì.



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây ?

**A**. Tốc độ tăng trưởng dân số của Hoa Kì

**B**. Sự gia tăng dân số của Hoa Kì

**C**. Sự chuyển dịch dân số Hoa Kì

**D**. Cơ cấu dân số Hoa Kì

**Câu** 35. Đặc điểm nào **không đúng** về tự nhiên của Alatxca ?  
 **A**. Bán đảo rộng lớn  
 **B**. Địa hình chủ yếu là đồi núi  
 **C**. Dầu mỏ và khí tự nhiên có trữ lượng lớn   
 **D**. Có tiềm năng rất lớn về hải sản và du lịch

**Câu 36.**  Đặc điểm **không đúng** đối với Haoai của Hoa kỳ là  
 A. quần đảo  
 **B**. nằm giữa Đại Tây Dương  
 **C**. có tiềm năng lớn về hải sản  
 **D**. có tiềm năng lớn về du lich

**Câu** 37. Về thiên tai, Hoa Kì được mệnh danh là

**A.** quê hương của vòi rồng. **B.** quê hương của bão.

**C.** quê hương của lũ lụt. **D.** quê hương của lở đất.

**Câu** 38. Miền Đông Bắc của Hoa Kì sớm trở thành cái nôi của ngành công nghiệp nước này nhờ có

**A.** đồng bằng rộng lớn, phì nhiêu. **B.** dầu mỏ, khí đốt phong phú.

**C.** nguồn than, sắt, thủy điện phong phú. **D.** giao thông vận tải biển.

**Câu** 39. Nhận xét không chính xác về đặc điểm tự nhiên của vùng Trung tâm Hoa Kỳ là:  
**A.** phần phía Tây và phía Bắc có địa hình đồi gò thấp, nhiều đồng cỏ.  
**B.** phần phía Nam là đồng bằng phù sa màu mỡ thuận lợi trồng trọt.  
**C.** khoáng sản có nhiều loại vơi trữ lượng lớn như than, quặng sắt, dầu mỏ, khí tự nhiên.  
**D.** phía bắc có khí hậu ôn đới, phía nam ven vịnh Mê-hi-cô vó khí hậu nhiệt đới.

**Câu** 40. Ở Hoa Kì, thời tiết bị biến động mạnh, thường xuyên xuất hiện nhiều thiên tai như: lốc xoáy, vòi rồng, mưa đá là do:

A. lãnh thổ Hoa Kì rộng lớn.

B. lãnh thổ chia thành 3 vùng khác biệt

C. địa hình có dạng lòng máng theo hướng Bắc-Nam

D. Chịu tác động của gió mùa

**Câu** 41. Biết diện tích của Hoa Kì là 9831,5 nghìn km2 và số dân giữa năm 2018 là 327,2 triệu người, vậy mật độ dân số Hoa Kì thời điểm đó là

A. 31 người/km2. B. 33 người/km2.

C. 34 người/km2. D. 32 người/km2.

**Câu** 42. Lợi thế nào là quan trọng nhất của vị trí địa lí Hoa Kỳ trong phát triển kinh tế-xã hội?

A. Nằm ở trung tâm Bắc Mĩ, tiếp giáp với hai đại dương lớn.

B. Nằm ở bán cầu Tây

C. Tiếp giáp với Ca-na-đa.

D. Tiếp giáp với khu vực Mĩ La Tinh.

**Câu** 43. Vùng phía Tây Hoa Kì gặp khó khăn chủ yếu nào sau đây trong việc phát triển kinh tế?

**A.** Sông ngòi dốc, đồng bằng khá nhỏ **B.** Nhiều núi cao, khí hậu khô hạn

**C.** Nghèo các khoáng sản năng lượng **D.** Diện tích rừng và đồng cỏ còn ít.

**Câu** 44. Dân cư của Hoa Kì phân bố chủ yếu ở các thành phố vừa và nhỏ nên hạn chế được vấn đề nào sau đây?

**A.** Tắc nghẽn giao thông đô thị. **B.** Mặt tiêu cực của đô thị hóa.

**C.** Di dân tự do ra các thành thị. **D.** Tình trạng đô thị hoá tự phát.

**Câu** 45. Vùng phía đông ven Đại Tây Dương của Hoa Kì rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp nhờ có

**A.** đất phì nhiêu và khí hậu ôn hoà. **B.** mật độ sông dày đặc, nhiều nước.

**C.** lượng mưa lớn, mưa quanh năm. **D.** địa hình bằng phẳng, nhiều ô trũng.

**Câu** 46. Cho bảng số liệu: Số dân của Hoa Kì qua các năm.



**Câu** 47. Nhận xét nào sau dây đúng về sự biến động dân số của Hoa Kì trong giai đoạn 1800 – 2015?

A. Dân số Hoa Kì liên tục tăng và tăng rất nhanh

B. Dân số Hoa Kì tăng chậm và không đồng đều

C. Dân số Hoa Kì có xu hướng giảm

D. Dân số Hoa Kì có nhiều biến động

**Câu** 48. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ CỦA HOA KÌ GIAI ĐOẠN 1920 - 2016

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1920** | **1940** | **1960** | **1980** | **2000** | **2010** | **2016** |
| Số dân (triệu người) | 103,3 | 132,8 | 180,7 | 226,5 | 282,2 | 309,3 | 323,1 |

*(Nguồn Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2016, NXB Thống kê 2017)*

Nhận xét nào sau đây đúng với tình hình dân số của Hoa Kì, giai đoạn 1920 - 2016?

**A.** Biến động mạnh. **B.** Tăng nhanh.

**C.** Giảm nhanh. **D.** Ít có sự biến động.

**Câu** 49. Yếu tố tự nhiên nào vừa là khó khăn, nhưng đồng thời cũng là thuận lợi cho sự phát triển kinh tế của Hoa Kì?

A. Lãnh thổ rộng lớn.

B. Có nhiều động đất và núi lửa.

C. Có tài nguyên thiên nhiên đa dạng.

D. Có nhiều người nhập cư

**Câu** 50. Lợi ích to lớn do người nhập cư mang đến cho Hoa Kì là

A. Nguồn lao động có trình độ cao

B. Nguồn đầu tư vốn lớn

C. Làm phong phú thêm nền văn hóa

D. Làm đa dạng về chủng tộc

**Câu** 51. Vì sao dân nhập cư là một lợi thế lớn cho sự phát triển kinh tế của Hoa Kì?

A. Tích lũy nhiều kinh nghiệm sản xuất.

B. Bổ sung nguồn lao động lớn, không mất chi phí đào tạo.

C. Tiếp thu nền văn minh thế giới.

D. Tạo một nền văn hóa đa dạng phong phú.

**Câu** 52. Tỉ lệ dân cư thành thị của Hoa Kì cao chủ yếu do

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** công nghiệp và dịch vụ phát triển. | **B.** có đồng bằng rộng, đất màu mỡ. |
| **C.** lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời. | **D.** có diện tích lãnh thổ rất rộng lớn. |

**Câu** 53. Lợi thế nào là quan trọng nhất của vị trí địa lí HOA KÌ trong phát triển kinh tế – xã hội?

A. Tiếp giáp với Ca-na-đa

B.Nằm ở bán cầu Tây

C.Nằm ở trung tâm Bắc Mĩ, tiếp giáp với hai đại dương lớn.

D.Tiếp giáp với khu vực Mĩ La tinh.

Câu54. Ý nào sau đây không phải là thuận lợi mà vị trí địa lí mang lại cho Hoa Kì để

phát triển kinh tế?

A. Có được thị trường lớn là Mĩ La-tinh.

B. Tránh được ảnh hưởng của chiến tranh (trước đây).

C. Thuận lợi giao lưu với Tây Âu qua Đại Tây Dương.

D. Dễ dàng giao thông giữa miền Tây và miền Đông đất nước.

Câu 55. Hình dạng cân đối của lãnh thổ Hoa Kì ở phần đất trung tâm Bắc Mĩ thuận lợi

cho

A. phân bố dân cư và khai thác khoáng sản.

B. phân bố sản xuất và phát triển giao thông.

C. khai thác tài nguyên và phát triển du lịch.

D. sản xuất nông nghiệp và xây dựng hải cảng.

Câu 56. Vùng núi A-pa-lát của Hoa Kì có nhiều thung lũng rộng cắt ngang tạo thuận lợi

cho

A. giao thông.

B. chăn nuôi.

C. trồng rừng.

D. khai khoáng.

Câu 57. Với khí hậu ôn đới hải dương và cận nhiệt đới, các đồng bằng phù sa ven Đại Tây

Dương của Hoa Kì rất thuận lợi cho phát triển

A. củ cải đường và cây dược liệu.

B. ngô và cây công nghiệp hàng năm.

C. cây lương thực và cây ăn quả.

D. hoa màu và cây công nghiệp lâu năm.

Câu 58. Phần phía tây và phía bắc vùng Trung tâm của Hoa Kì rất thuận lợi cho phát

triển chăn nuôi nhờ có thuận lợi về

A. khí hậu ôn đới hải dương, ôn hoà.

B. nước ngầm phong phú và bồn địa lớn.

C. đồng bằng lớn và đất phì nhiêu.

D. địa hình đồi thấp và nhiều đồng cỏ.

Câu 59. Phần phía nam vùng Trung tâm của Hoa Kì rất thuận lợi cho phát triển trồng

trọt nhờ có thuận lợi về

A. nước ngầm phong phú và bồn địa lớn. B. khí hậu ôn đới hải dương, ôn hoà.

C. đồng bằng lớn và đất phì nhiêu. D. địa hình đồi thấp và nhiều đồng cỏ.

Câu 60 . Ý nào sau đây không phải là lợi thế mà người nhập cư mang lại cho Hoa Kì?

A. Nguồn lao động dồi dào.

B. Văn hoá, tôn giáo phức tạp.

C. Nguồn lao động chất lượng cao.

D. vốn đầu tư rất lớn.

Câu 61. Do dân cư của Hoa Kì phân bố chủ yếu ở các thành phố vừa và nhỏ nên hạn chế

được

A. vấn nạn tắc nghẽn giao thông đô thị. B. di dân tự do từ nông thôn ra thành thị.

C. nhiều mặt tiêu cực của đô thị hoá. D. tình trạng đô thị hoá tự phát.

**Câu 62.** Cho biểu đồ sau:

20

67

13

27

65

8

Nhóm người từ 0-14 tuổi

Nhóm người từ 65 tuổi trở lên

Chú giải

Nhóm người từ 15- 64 tuổi

Năm 1950

Năm 2011

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Số dân phân theo nhóm tuổi của Hoa Kì năm 1950 và 2011.

**B**. Cơ cấu dân số phân theo nhóm tuổi của Hoa Kì năm 1950 và 2011.

**C**. Tình hình các nhóm người theo độ tuổi của Hoa Kì thời gian 1950 - 2011.

**D.** Tốc độ tăng trưởng các nhóm người theo độ tuổi của Hoa Kì thời gian

1950 - 2011.

Câu 63. Biết diện tích của Hoa Kì là 9629 nghìn km2 và số dân giữa năm 2015 là 321,2

triệu người, vậy mật độ dân số Hoa Kì thời điểm đó là

A. 34 người/km2. B. 3335 người/km2.

C. 334 người/km2. D. 333 người/km2.

Câu 64. Biết số dân Hoa Kì giữa năm 2015 là 321,2 triệu người và tỉ lệ dân thành thị là 81%, vậy số dân thành thị của Hoa Kì tại thời điểm đó là

A. 260,2 triệu người. B. 240,2 triệu người.

C. 260,2 nghìn người. D. 240,2 nghìn người.